

Số: 464/2023/HC-PT

Ngày: 26/6/2023

V/v: khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Văn Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuyền;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký Tòa án ghi Biên bản phiên toà: Bà Hà Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và tại điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 230/2023/TLPT-HC ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2022/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6775/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trương Bạch G, sinh năm 1952; Địa chỉ: huyện C, tỉnh N, (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trương Ph, sinh năm 1959; Địa chỉ: huyện C, tỉnh N, (có mặt).

- Người bị kiện:

+ Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh N

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh N

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Mạnh H - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện Diễn Châu (Theo giấy ủy quyền số 595/UBND-GUQ ngày 30/3/2021), xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh N.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn V - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã T, huyện C, tỉnh N, (xin xét xử vắng mặt);

+ Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1961; Địa chỉ: Xóm 1, xã T, huyện C, tỉnh N, (vắng mặt);

Người được ủy quyền: Ông Trương Bạch G; Địa chỉ: Xóm 1, xã T, huyện C, tỉnh N, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng người khởi kiện là Ông Trương Bạch G và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Năm 1989, vợ chồng Ông Trương Bạch G mua của Hợp tác xã mua bán xã T thửa đất với diện tích là: 859,8m² để làm đất ở với giá tiền là 1.700.000 đồng (Hợp tác xã mua bán xã T được sự thống nhất của Hội đồng nhân dân xã có nghị quyết đang lưu giữ UBND xã), do ông Nguyễn Quang Thọ (nguyên Chủ nhiệm Hợp tác xã mua bán xã T) trực tiếp bán và giao đất cho ông. Ông sử dụng liên tục từ đó đến nay không tranh chấp, không lấn chiếm. Đến năm 1997, ông Giang được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 21, tờ bản đồ số 112-62, diện tích 400m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp sau dự án PMU1 nên phần diện tích hành lang giao thông không ghi vào giấy chứng nhận).

Năm 2014, thực hiện dự án nâng cấp mở rộng quốc lộ 1A, UBND huyện đã thu hồi của ông 245m² nhưng mới bồi thường cho ông 47,5m² còn lại 197,5m² chưa bồi thường. Ông Giang khiếu nại lên UBND huyện Diễn Châu. Chủ tịch UBND huyện Diễn Châu đã ban hành Quyết định 4371/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 về việc giải quyết khiếu nại của Ông Trương Bạch G, xóm 1, xã T, huyện C, tỉnh N (lần đầu). Ông Trương Bạch G cho rằng quyết định số 4371/QĐ-UBND là chưa đúng, vì:

+ Nếu theo tài liệu bản đồ để xác định vị trí đất thì phải áp dụng Bản đồ 299, quyết định giải quyết khiếu nại áp dụng bản đồ 364 là sai, vì đất ông Giang mua năm 1989 chưa có bản đồ 364.

+ Giấy xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng đất các cán bộ thời bấy giờ xác nhận giao đất từ chân đường quốc lộ 1A.

+ Bản đồ trích đo năm 2011 thể hiện diện tích 197,5m² gia đình đang sử dụng chưa bồi thường.

+ Biên Bản phạm vi giải phóng mặt bằng có đủ các thành viên cấp xã và cấp huyện thể hiện diện tích 197,5m² của gia đình ông Giang sử dụng mới bàn giao để mở đường.

+ Nguồn gốc đất gia đình mua của cửa hàng từ năm 1989, có nộp tiền 1.700.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ Ông Trương Bạch G cung cấp gồm:

- Giấy xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng đất.
- Hồ sơ kỹ thuật thửa đất (trích đo 2011)
- Biên bản bàn giao phạm vi GPMB (UBND huyện)
- Giấy xác nhận mua đất ở 859,8m² của Chu Văn Tuấn (CTUBND thời đó)
- Giấy xác nhận của ông Nguyễn Quang Thọ là chủ nhiệm hợp tác xã mua bán xã T từ 1987 đến 1992, người chỉ mốc giới khi giao đất cho gia đình ông sử dụng từ năm 1989.
- Giấy xác nhận của ông Lê Hữu Mạnh là cán bộ Ủy ban phụ trách giao thông thủy lợi thời kì 1992 đến 1997.

Ngoài ra, căn cứ vào các quy định: Điều 27 Luật đất đai 1993; Điều 42, Điều 87, Điều 97 Luật đất đai 2003, Điều 74 Luật đất đai 2013; Nghị định 90/1994, Nghị định 197/2004, Nghị định 181/2004, Nghị định 84, Nghị định 47/2014 của Chính phủ; Công văn số 3027/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 12/6/2018 và Công văn số 1297/BTNMT-TCQLĐĐ của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chủ tịch UBND huyện Diễn Châu ban hành Quyết định số 4371/QĐ-UBND ngày 12/12/2019, là sai với văn bản chỉ đạo của Bộ tài nguyên và môi trường, vì cho rằng đất thu hồi trong hành lang giao thông không bồi thường. Nhưng thực tế đất ông Giang mua của cửa hàng HTX Diễn Trường năm 1989 có thu tiền của gia đình ông là 1.700.000 đồng. Do đó ảnh hưởng tới quyền lợi của gia đình ông Giang.

Ông Trương Bạch G đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An:

- Hủy bỏ Quyết định 4371/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện Diễn Châu về việc giải quyết khiếu nại của Ông Trương Bạch G, xóm 1, xã T, huyện C, tỉnh N (lần đầu).
- Buộc UBND huyện Diễn Châu phải ban hành quyết định thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật.
- Lập phương án bồi thường hỗ trợ cho gia đình Ông Trương Bạch G đúng theo diện tích đã thu hồi chưa bồi thường là 197,5m² và bồi thường tài sản trên diện tích đất thu hồi, đền bù trượt giá theo lãi suất vay của ngân hàng.

** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:*

Nội dung Ông Trương Bạch G khiếu nại: Năm 2014 thực hiện dự án nâng cấp mở rộng quốc lộ 1A, UBND huyện đã thu hồi của ông 245m² đất nhưng mới bồi thường cho ông 47,5m² còn lại 197,5m² là không bồi thường.

Nguồn gốc sử dụng đất gia đình ông là do mua của Hợp tác xã T (thuộc xã T, huyện Diễn Châu) từ năm 1989. Sau khi mua đất ông được Hợp tác xã T trực tiếp giao đất, thời điểm này không đo đạc và lập biên bản giao đất mà chỉ đất trên thực địa. Theo báo cáo của UBND xã T thì về địa giới, phạm vi giao đất, diện tích

đất được giao trước đây, hiện nay UBND xã không lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc bán đất của HTX nên không có cơ sở xác nhận.

Diện tích đất 197,5m² ông Giang yêu cầu lập phương án bồi thường thuộc một phần thửa đất 43 từ bản đồ 299 xã T. Ông Trương Bạch G sử dụng thửa đất mua của Cửa hàng HTX Diễn Trường từ năm 1989 tới nay không có tranh chấp. Năm 2014, thực hiện dự án: Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A - đoạn qua địa bàn huyện Diễn Châu (Tuyến Nghi Sơn - Diễn Châu), Nhà nước thu hồi đất của gia đình ông (xác định từ chân đường đến mốc 881) diện tích đất ông Giang đang sử dụng là ông 245m² nhưng mới bồi thường cho ông 47,5m² còn lại 197,5m² là không bồi thường Ông Trương Bạch G có khiếu nại. Qua xem xét hồ sơ vụ việc, Chủ tịch UBND huyện Diễn Châu đã ban hành Quyết định số 4371/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của Ông Trương Bạch G. Kết quả cho thấy công dân khiếu nại sai. Bởi vì:

- + Thửa đất Ông Trương Bạch G sử dụng và khiếu nại thuộc thửa đất số 7, tờ bản đồ số 9 (bản đồ trích đo), tức thửa đất số 49, tờ bản đồ số 112-62 (bản đồ 364) có nguồn gốc Hợp tác xã giao đất có thu tiền sử dụng từ năm 1989 (sau ngày 21/12/1982).

- + Thửa đất Ông Trương Bạch G sử dụng nêu trên đã được UBND huyện Diễn Châu cấp giấy chứng nhận từ mốc PMU1 trở xuống phía đông, còn phần diện tích từ mốc PMU1 đến mép đường Quốc lộ 1A (197,5m²) thuộc loại đất giao thông không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Việc Ông Trương Bạch G yêu cầu bồi thường, hỗ trợ tài sản bị ảnh hưởng trong phạm vi PMU1 là khiếu nại không có cơ sở, bởi vì:

Căn cứ Mục 2 Công văn số 1268/PMU1-QLDA2 của Ban quản lý dự án 1 Bộ giao thông vận tải cho thấy: “Diện tích đất từ chân công trình đến cọc GPMB của dự án WB1: Các đoạn tuyến đi qua khu vực đô thị tính từ mép ngoài rãnh dọc đường ra mỗi bên là 3m, các đoạn tuyến đi qua khu vực nông thôn tính từ chân ta luy nền đắp và đỉnh ta luy đường đào ra mỗi bên 7 mét, các đoạn có đường sắt liền kề đi qua chỉ cắm cọc GPMB một phía. Trong phạm vi này dự án đã đền bù toàn bộ công trình, vật kiến trúc trên đất và cây cối hoa màu”

Căn cứ khoản 3 Điều 15 Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 19/01/2020 của UBND tỉnh Nghệ An quy định: “Tài sản trên đất đã thực hiện giải tỏa trong quá trình thực hiện chính sách qua các thời kỳ hoặc phá dỡ trong quá trình thực hiện các dự án trước đây thì nay không bồi thường, hỗ trợ”.

Ngày 27/9/2022, Chủ tịch UBND huyện Diễn Châu ban hành quyết định 3171/QĐ-UBND về việc bổ sung một phần quyết định số 4371/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 giải quyết khiếu nại của Ông Trương Bạch G, xóm 1, xã T huyện C, tỉnh N.

Tại Điều 1: Bổ sung nội dung tại mục 2, phần II Quyết định 4371/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 về Kết quả xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và hồ sơ địa chính như sau:

Căn cứ bản đồ 299, đo vẽ năm 1982 - 1985 tại huyện Diễn Châu thì thửa đất gia đình Ông Trương Bạch G được giao và đang sử dụng nằm trong thửa đất số 43, tờ bản đồ số 5, bản đồ 299 xã T, thửa đất này không tiếp giáp quốc lộ 1A.

Phần diện tích 197,5m² ông Giang yêu cầu bồi thường theo bản đồ 299 xã T là thửa đất nông nghiệp (sau ngày 21/12/1982), phần đất này thuộc thửa đất số 575, tờ bản đồ số 3 nằm trong hành lang giao thông theo nghị định 203-HĐBT ngày 21/12/1982, không có hồ sơ thể hiện ông Giang được giao đất đối với phần diện tích đất này.

Tại mục kê lập năm 1985 theo bản đồ 299, thửa đất 575, tờ bản đồ số 3 là đất hai lúa.

Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xem xét, bác đơn khởi kiện của Ông Trương Bạch G và giữ nguyên Quyết định số 4371/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện Diễn Châu.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã T, huyện C, tỉnh N trình bày:*

Quá trình giải quyết UBND huyện Diễn Châu giao xã xác định mốc giới, thời gian giao đất, Hội đồng đất đai đã tổ chức làm việc, kiểm tra hồ sơ đất đai trước đây của các hộ dân không có mà chỉ có sổ địa chính, sổ cấp giấy chứng nhận, bản đồ trích đo nên không xác định chính xác ranh giới đất được cấp. Thực tế, thửa đất Ông Trương Bạch G sử dụng và khiếu nại thuộc thửa đất số 7, tờ bản đồ số 9 (bản đồ trích đo), tức thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 112-62 (bản đồ 364) có nguồn gốc Hợp tác xã giao đất có thu tiền sử dụng từ năm 1989.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị L trình bày:* Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ông Trương Bạch G.

Tại Bản án hành chính thẩm số 41/2022/HC-ST ngày 29/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, quyết định:

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu UBND huyện Diễn Châu đền bù trượt giá theo lãi suất vay của ngân hàng đối với diện tích 197,5m² đã thu hồi của gia đình Ông Trương Bạch G.

Bác yêu cầu khởi kiện của Ông Trương Bạch G về các nội dung:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 4371/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện Diễn Châu, về việc giải quyết khiếu nại của Ông Trương Bạch G, xóm 1, xã T huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An (lần đầu).

- Buộc UBND huyện Diễn Châu phải ban hành quyết định thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật.

- Lập phương án bồi thường hỗ trợ cho gia đình Ông Trương Bạch G

đúng theo diện tích đã thu hồi chưa bồi thường là 197,5m² và tài sản trên đất.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và tuyên quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 30/9/2022, người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Trương Bạch G (cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị L) và người đại diện theo ủy quyền của ông Giang là ông Trương Ph trình bày thống nhất với nội dung của bản án sơ thẩm và đề nghị chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, với lý do: Đề nghị xem xét làm rõ diện tích 197,5m² (đất đã thu hồi thì ai là người quản lý). Quyết định 3171/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 về việc bổ sung quyết định 4371/QĐ-UBND ngày 12/12/2019, ông Giang chưa nhận được, chưa biết. Ông Giang có đơn xác nhận của ông Nguyễn Quang Thọ (nguyên Chủ nhiệm HTX mua bán xã T) về việc ông mua đất từ chân đường QL1A. Do đó, đề nghị đền bù cho ông 197,5m² đất theo qui định của pháp luật.

- Người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi xét xử sơ thẩm không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác so với phiên tòa sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của Ông Trương Bạch G trong thời hạn luật định, nên được xem xét giải quyết.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm phía ông Giang đề nghị làm rõ diện tích đất thu hồi 197,5m² do ai quản lý.

Thấy, năm 1989 ông Giang mua đất không xác định diện tích mốc giới cụ thể. Năm 1997, ông Giang được cấp GCNQSDĐ diện tích 400m²; thực tế diện tích đất ông Giang sử dụng là 859,9m² (-245m²) còn lại 618m², như vậy lớn hơn diện tích đất được cấp Giấy CNQSD đất là 218m² cũng như trước năm 1995 làm QL1A cũng như khi cấp GCNQSDĐ không có ý kiến gì. Do đó, có căn cứ xác định diện tích 197,5m² khi thu hồi sau này được xác định là hành lang giao thông theo ND 203/1982 cũng như tài sản trên đất đã được giải tỏa trước đây. Nên, kháng cáo của ông Giang là không có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; bác kháng cáo của ông Giang; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu Đơn kháng cáo, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

Quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của Ông Trương Bạch G trong thời hạn luật định, nên được xem xét giải quyết.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện và xác định tư cách những người tham gia tố tụng là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

Về tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khởi kiện và quyết định hành chính liên quan:

Quyết định số 4371/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện Diên Châu về việc giải quyết khiếu nại của Ông Trương Bạch G, xóm 1, xã T, huyện C, tỉnh N (lần đầu) (gọi tắt là Quyết định số 4371/QĐ-UBND).

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành: Sau khi nhận được đơn khiếu nại của Ông Trương Bạch G, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh N đã có Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 về việc thành lập đoàn kiểm tra ra soát, giải quyết đơn; Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 xác minh nội dung đơn khiếu nại. Trên cơ sở báo cáo kết quả xác minh khiếu nại của đoàn kiểm tra Ông Trương Bạch G, xóm 1, xã T, huyện Diên Châu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Diên Châu ban hành Quyết định số 4371/QĐ-UBND là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Mục 2 trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu theo quy định từ Điều 27 đến Điều 32 Luật khiếu nại.

Sau khi phát hiện Quyết định số 4371/QĐ-UBND căn cứ áp dụng chưa chính xác, Chủ tịch UBND huyện Diên Châu đã ban hành các quyết định đính chính, bổ sung sửa đổi quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu là có căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 57 Luật Tố tụng hành chính.

[2.2] Về nội dung: Việc Ông Trương Bạch G khiếu nại: Năm 2014, thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1A UBND huyện Diên Châu có thu hồi diện tích 245m² đất của gia đình ông nhưng mới bồi thường 47,5m² và chưa bồi thường diện tích 197,5m² trong phạm vi PMU1, nay ông đề nghị xem xét bồi thường, hỗ trợ diện tích 197,5m² đã thu hồi của gia đình ông.

Thấy rằng: Quyết định số 4371/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của Ông Trương Bạch G, vì các lý do: “- Thừa đất Ông Trương Bạch G sử dụng và khiếu nại thuộc thửa số 7 tờ bản đồ số 9 (bản đồ trích đo), tức thửa số 49 tờ bản đồ 113-62 (bản đồ 364) có nguồn gốc Hợp tác xã giao đất có thu tiền sử dụng đất từ năm 1989 (sau ngày 21/12/1982). Thừa đất Ông Trương Bạch G sử

dụng nêu trên đã được UBND huyện Diên Châu cấp giấy chứng nhận từ mốc PMU1 trở xuống phía đông còn phần diện tích từ mốc PMU1 đến mép đường quốc lộ 1A 197,5m² thuộc loại đất giao thông không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.” (trích dẫn tại mục III kết luận Quyết định số 4371/QĐ-UBND).

- Nguồn gốc đất ông Giang sử dụng do HTX mua bán chuyên nhượng có thu tiền từ năm 1989 (các đương sự đều thừa nhận không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 79 Luật Tố tụng hành chính).

- Ông Giang được giao đất năm 1989, trong khi đó Bản đồ 364 đo vẽ năm 1996, do đó căn cứ bản đồ 364 để giải quyết là chưa đúng, ông Giang yêu cầu xem xét theo bản đồ 299 đo vẽ năm 1986 để xác định vị trí đất ông Giang được giao.

- Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1997 chưa đúng vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp theo bản đồ 364 và các đương sự đều thừa nhận diện tích 197,5m² ông Giang khiếu nại không cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp đất trái phép trong hành lang giao thông có thu tiền trước ngày 01/7/2004 khi nhà nước thu hồi đất cũng được bồi thường theo quy định tại Điều 11 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ “Quy định bồi thường hỗ trợ đất tái định cư khi nhà nước thu hồi đất”.

Tuy nhiên, tại Quyết định 4371/QĐ-UBND căn cứ để giải quyết chưa chính xác như các lý do trên nhưng người bị kiện đã đính chính sửa đổi bằng hai quyết định:

- Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Diên Châu về việc đính chính một phần quyết định số 4371/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 giải quyết khiếu nại của Ông Trương Bạch G, xóm 1, xã T, huyện C, tỉnh N và Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Diên Châu về việc bổ sung một phần quyết định số 4371/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 giải quyết khiếu nại của Ông Trương Bạch G, xóm 1, xã T, huyện C, tỉnh N, cụ thể:

Thứ nhất: Vị trí thửa đất ông Giang sử dụng các đương sự đều thừa nhận có nguồn gốc do cửa hàng chuyên nhượng. Thửa đất cửa hàng là thửa 43, tờ bản đồ số 5, bản đồ 299 đo vẽ năm 1986 nên có căn cứ khẳng định theo bản đồ 299 thửa đất ông Giang sử dụng thuộc một phần thửa 43, tờ bản đồ số 5, bản đồ 299.

Thứ hai: Vị trí thửa đất 43, tờ bản đồ số 5, bản đồ 299 không giáp đường quốc lộ 1A; thửa đất 575, tờ bản đồ số 3, bản đồ 299 giáp đường quốc lộ 1A.

Thứ ba: Vị trí 197,5m² đất ông Giang yêu cầu bồi thường theo bản đồ 299 tại xã T là thửa đất nông nghiệp, phần đất này thuộc thửa 575, tờ bản đồ số 3,

nằm trong hành lang giao thông theo Nghị định 203-HĐBT ngày 21/12/1982, không có hồ sơ thể hiện ông Giang được giao đất thửa đất 575.

Thứ tư: Sổ mục kê lập năm 1985, theo bản đồ 299 thì thửa đất 575, tờ bản đồ số 3 là đất hai lúa hợp tác xã quản lý, ông Giang không được giao sử dụng.

Thứ năm: Năm 1995 thực hiện dự án PMU1 giải tỏa trong phạm vi 7m từ chân đường tại xã T, gia đình ông Giang không kê khai, không được bồi thường.

Thứ sáu: Tình trạng chung quản lý đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An đều thực hiện chủ trương chung không giao đất trong hành lang giao thông, được quy hoạch theo Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982.

Thứ bảy: Ông Giang đã được UBND huyện Diễn Châu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/2/1997 với diện tích 400m² nhưng không có khiếu nại gì về việc cấp thiếu diện tích đất.

Như vậy, từ bảy lý do trên, diện tích đất ông Giang sử dụng đến năm 2014 thu hồi thực hiện dự án mở rộng đường 1A là 859,8m², trong đó có 197,5m² đất ông Giang đang sử dụng thuộc thửa đất 575, tờ bản đồ số 3, bản đồ 299, là đất ông Giang không được giao sử dụng vì không thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ số 5, bản đồ 299. Ông Giang không có tài liệu nào chứng minh tại sao ông đang sử dụng diện tích 197,5m² đất của thửa đất số 575, tờ bản đồ số 3, bản đồ 299 ở xã T.

Đối chiếu quy định tại Điều 11 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ “Quy định bồi thường hỗ trợ đất tái định cư khi nhà nước thu hồi đất”:

Điều 11: “Bồi thường hỗ trợ về đất khi nhà nước thu hồi đối với đất được giao không đúng thẩm quyền, trước ngày 01/7/2004 nhưng đã nộp tiền để được sử dụng đất mà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” thì việc bồi thường hỗ trợ được thực hiện theo quy định như sau: 1. “Trường hợp sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 thì người đang sử dụng đất được bồi thường về đất đối với diện tích và loại đất được giao” nội dung này phù hợp chỉ đạo của Bộ Tài nguyên môi trường tại công văn số 3027/BTNMT-TCQLĐ ngày 12/6/2018 và Công Văn số 1297/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 21/3/2019: Diện tích đất được đưa vào xem xét bồi thường đất cấp trong phạm vi PMU1 chưa bồi thường nay thu hồi được bồi thường đất phù hợp với Quyết định số 2054/QĐ-KHDT ngày 19/10/1993 của Bộ trưởng bộ giao thông vận tải trước đây được bồi thường khi thu hồi thực hiện dự án”.

Do đó, diện tích đất 197,5m² là đất hành lang giao thông đã được nhà nước quy hoạch theo Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 không phải là của đất ông Giang, giao trái phép có thu tiền trước ngày 01/7/2004 nên khi thu hồi không có căn cứ pháp luật để được bồi thường hỗ trợ như Ông Trương Bạch G đề nghị.

Về yêu cầu bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất: Căn cứ khoản 3 Điều 15 Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 19/01/2020 của UBND tỉnh Nghệ An quy định: “Tài sản trên đất đã thực hiện giải tỏa trong quá trình thực hiện chính sách qua các thời kỳ hoặc phá dỡ trong quá trình thực hiện các dự án trước đây thì nay không bồi thường, hỗ trợ” là có căn cứ pháp luật nên không chấp nhận bồi thường là có căn cứ.

[3] Với nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Giang là có căn cứ.

Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm Ông Trương Bạch G xin rút nội dung yêu cầu buộc UBND huyện Diễn Châu đền bù trượt giá theo lãi suất vay của ngân hàng đối với diện tích 197,5m² đã thu hồi. Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu này của ông Giang là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm Ông Trương Bạch G và người đại diện theo ủy quyền không đưa ra được tài liệu, chứng cứ mới nào để làm thay đổi bản chất vụ án và để làm căn cứ chấp nhận kháng cáo; cũng như Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Diễn Châu về việc đình chỉ một phần quyết định số 4371/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 giải quyết khiếu nại của Ông Trương Bạch G, xóm 1, xã T, huyện C, tỉnh N và Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Diễn Châu về việc bổ sung một phần quyết định số 4371/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 giải quyết khiếu nại của Ông Trương Bạch G, xóm 1, xã T, huyện C, tỉnh N.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Giang; cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm và phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo, nên ông Giang phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Giang là người cao tuổi, nên Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho ông Giang.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của Ông Trương Bạch G; Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính thẩm số 41/2022/HC-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trương Bạch G không phải nộp.
3. Các quyết định khác của bản án hành chính không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tuyền

Nguyễn Tiến Dũng

Đặng Văn Hưng

Nơi nhận:

- VKSND CC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án, PHC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hưng

